

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2021/DS-ST.

Ngày: 17-8-2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh;

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2021/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2021/QĐST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Thông báo đòi ngày xét xử số 654/TB-TA, ngày 27/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Q, sinh ngày 01/01/1964.

Địa chỉ: số 528/7, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Kiêm S, sinh năm 1968 và bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

(Bà Q có mặt; Ông S và bà R vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Thạch Thị Q trình bày:**

Bà Thạch Thị Q là hội viên có tham gia đây hội do ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

Dây hội mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 30/11/2014 âm lịch, có 14 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng. Bà Q tham gia 01 phần, đã đóng hội sống được 11 lần với số tiền lãi và vốn cộng chung là 55.000.000đồng. Hiện đây hội này ông S, bà R đã tự ý ngưng góp hội vào tháng 8/2018 mặc dù chưa mãn.

Ngày 24/9/2019 ông S, bà R có viết biên nhận thừa nhận có nợ bà Q số tiền hội là 55.000.000đồng và cố cho bà Q 01 công đất tầm lớn thời hạn là 03 năm. Bà Q không nhận đất canh tác mà cho ông S, bà R thuê lại nhưng không trả tiền thuê hàng năm. Trong quá trình giải quyết vụ án ông S, bà R đồng ý trả cho bà số tiền hội là 50.000.000đồng và các bên đã thống nhất chấm dứt việc cầm cố đất.

Nay bà Thạch Thị Q yêu cầu ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R cùng liên đới có trách nhiệm trả số tiền hội còn nợ là 50.000.000đồng, không yêu cầu lãi suất. Bà không yêu cầu giải quyết về việc cầm cố đất.

*** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải ngày 06/5/2021:**

Các bị đơn ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R thừa nhận nội dung nguyên đơn trình bày là đúng sự thật và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hội là 50.000.000đồng xin trả mỗi vụ lúa (04 tháng) là 5.000.000đồng và thống nhất chấm dứt hợp đồng cầm cố đất. Nguyên đơn không đồng ý với thời gian trả nợ của bị đơn nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn cùng chịu trách nhiệm trả số tiền hội còn nợ mà các bên đã thống nhất là 50.000.000đồng theo quy định tại các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biêu, phường; Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biêu, phường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn đã tham gia phiên hòa giải và không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy nhiên, hiện nay đây hội mà nguyên đơn tham gia do các bị đơn làm đầu thảo thì các bị đơn đã ngưng góp hội nhưng các bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn góp hội và tiền lãi hội được hưởng theo thỏa thuận là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì theo Tờ cam kết ngày 24/9/2019 các bị đơn đã thừa nhận số nợ hội là 55.000.000đồng và đã đồng ý cõ một công đất cho nguyên đơn trong thời hạn 03 năm. Sau đó thuê đất lại nhưng không trả tiền thuê đất theo thỏa thuận. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hội còn nợ là 50.000.000 đồng theo sự thừa nhận của các bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất tự chấm dứt hợp đồng cõ đất mà không có tranh chấp.

[3] Đề Nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biên, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hội, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Thị Q.

Buộc ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Thạch Thị Q 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền nợ hui.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Thạch Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R cùng liên đới trả số tiền lãi suất cho bà Thạch Thị Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R phải liên đới chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Thạch Thị Q không chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do bà đã có đơn xin miễn vì bà là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH

